

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-01-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con chung”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến

Ông Nguyễn Hữu Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Dân – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý: 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2024/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2087/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh Lê Quang Đ sinh năm 1989; trú tại: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Chị Trần Thị Hoài Thư s năm 1990; trú tại: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lê Quang Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị Hoài T sau một thời gian tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 19/10/2015. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đôi lúc xảy ra cãi vã nhưng sau đó tự dàn xếp. Năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T muốn ra ngoài thuê nhà ở riêng nhưng anh không đồng ý nên xảy ra bất đồng

quan điểm dẫn đến xung đột. Năm 2020, chị T về nhà cha mẹ ruột ở sinh con nhưng không chịu về. Đến đầu năm 2022, anh động viên đưa chị T về vợ chồng hàn gắn. Tháng 3/2023, vợ chồng chấm dứt tình cảm lẫn gòai mặc dù vẫn chung sống một nhà. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Vợ chồng có 03 người con chung tên Lê Trần Mỹ Ý sinh ngày 28/11/2015, Lê Trần Cát T1 sinh ngày 22/10/2018, Lê Trần Diệu An sinh ngày 01/02/2021 (chết ngày 23/4/2023). Cháu Ý và T1 đang ở chung với vợ chồng. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi đơn.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị Hoài T trình bày:* Chị thống nhất lời khai của anh Lê Quang Đ về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ở chung nhà với cha mẹ chồng, cha mẹ chồng lại khó tính luôn cáu gắt nên xảy ra xung đột. Chị tâm sự chia sẻ với anh Đ thì anh dọa đánh đập. Ngoài ra, anh Đ làm không đưa tiền cho chị chi phí trang trải sinh hoạt trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng lặp đi lặp lại nhiều lần, mặc dù còn sống chung nhà nhưng tình cảm lẫn gòai đã chấm dứt. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, nên thống nhất ly hôn.

Chị thống nhất lời khai của anh Lê Quang Đ về quan hệ con chung. Chị xác định hiện tại vợ chồng có 02 người con chung Lê Trần Mỹ Ý và Lê Trần Cát T1 đang ở chung với vợ chồng. Chị yêu cầu được nuôi 02 người con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung chị với anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Lê Quang Đ và Trần Thị Hoài T; giao 02 người con chung tên Lê Trần Mỹ Ý sinh ngày 28/11/2015, Lê Trần Cát T1 sinh ngày 22/10/2018 cho anh Lê Quang Đ trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên không xét; tài sản chung giữa anh Đ và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tranh chấp nên không xét; buộc anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh **Lê Quang Đ** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Trần Thị Hoài T** đang cư trú tại **thị xã A, tỉnh Bình Định** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh **Lê Quang Đ** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị **Trần Thị Hoài T** được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Anh **Lê Quang Đ** và chị **Trần Thị Hoài T** tự nguyện đăng ký kết tại **UBND xã Đ** và được **UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 19/10/2015 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4] Anh **Lê Quang Đ** và chị **Trần Thị Hoài T** chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù cả hai anh chị tìm cách vun đắp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Cả hai anh chị thừa nhận mặc dù vợ chồng còn sống chung với nhau nhưng tình cảm chán gỏi không còn, không ai quan tâm chia sẻ tình cảm, công việc lẫn nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để hai anh chị tìm tiếng nói chung để dung hòa cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên hòa giải ngày 19/10/2023 cũng như tại phiên tòa, cả hai anh chị xác định không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thống nhất ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh **Đ** và chị **T** là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng và phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Anh **Lê Quang Đ** và chị **Trần Thị Hoài T** xác định có 03 người con chung tên **Lê Trần Mỹ Ý** sinh ngày 28/11/2015, **Lê Trần Cát T1** sinh ngày 22/10/2018, **Lê Trần Diệu An s1** ngày 01/02/2021. Ngày 23/4/2023, cháu **Lê Trần Diệu A** bị bệnh chết. Hiện tại anh chị có 02 người con **Lê Trần Mỹ Ý, Lê Trần Cát T1** đang ở chung với anh chị. Cả hai anh chị đều yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung. Để chứng minh điều kiện nuôi con của mình anh **Trần Quang Đ1** cung cấp hợp đồng lao số 0102/2023/HĐLĐ được ký kết giữa anh **Lê Quang Đ** và **Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2** ngày 01/02/2023; địa điểm làm việc tại trụ sở công ty ở **phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; thời hạn hợp đồng lao động được xác định là 36 tháng; mức thu nhập tiền lương và phụ cấp công ty trả cho anh **Đ** mỗi tháng 10.500.000đ/tháng; đồng thời anh **Đ** cung cấp bảng thanh toán lương và các khoản có tính chất lương của công ty trả cho anh trong thời gian 06 tháng (từ tháng tháng 6 đến tháng 11 năm 2023). Trong khi đó, trong bản tự khai của chị **Trần Thị Hoài T** ghi nghề nghiệp là nhân viên bưu điện nhưng chị không cung cấp

tài liệu, chứng cứ chứng minh nghề nghiệp, thu nhập của mình. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Lê Trần Mỹ Ý được ở với anh **Lê Quang Đ**. Và từ trước đến nay cả 02 cháu Lê Trần Mỹ Ý, **Lê Trần Cát T1** đều chung sống quần quýt bên nhau, thích nghi với môi trường học tập, sinh hoạt. Nhằm đảm bảo quyền lợi ích tốt nhất cho các cháu nên giao 02 người con chung cho anh **Lê Quang Đ** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh **Lê Quang Đ** yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con nhưng không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Tài sản chung: Các bên không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân gia đình: Anh **Lê Quang Đ** phải chịu 300.000đ.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, Điều Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Lê Quang Đ** và chị **Trần Thị Hoài T**

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

Giao 02 người con chung tên Lê Trần Mỹ Ý sinh ngày 28/11/2015, **Lê Trần Cát T1** sinh ngày 22/10/2018 cho anh **Lê Quang Đ** trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh **Lê Quang Đ** không yêu cầu chị **Trần Thị Hoài T** cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*



3. *Về tài sản chung:* Anh **Lê Quang Đ** và chị **Trần Thị Hoài T** không yêu cầu nên không xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình:* Anh **Lê Quang Đ** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001941 ngày 06 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. *Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:*

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã Đak-Ơ, huyện Bù Gia Mập  
(Số giấy chứng nhận kết hôn 99/2015);
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Quang**